CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính

Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. *(Thông tư này được đính chính bởi công văn số 7330/BTC-CST ngày 18/6/2020 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 291/2016/TT-BTC và Thông tư số 25/2020/TT-BTC).*

- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 (Sau đây gọi là Thông tư số 25/2020/TT-BTC). *(Thông tư này được đính chính bởi công văn số 7330/BTC-CST ngày 18/6/2020 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 291/2016/TT-BTC và Thông tư số 25/2020/TT-BTC).*

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.[2]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.[3] *Phạm vi điều chỉnh*

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, bao gồm: thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, tổ chức thu phí thẩm định và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.

Điều 2. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính phải nộp phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí[4]

---

[2] Thông tư số 25/2020/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính."

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông là tổ chức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí[5]

Mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính được quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng và quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý sử dụng

1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Số còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà /nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện[6]

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

[6] Điều 2 Thông tư số 25/2020/TT-BTC quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

2. Bãi bỏ Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính ban hành kèm theo Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.

3. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 185/2013/TT-BTC ngày 4 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính.

2.[7] *Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.*

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 25 /VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính:
- Lưu: VT, PC (05b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

---

phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./."

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

BIỂU MỨC PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH[8]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[8] Biểu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH[9]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2020/TT-BTC Ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số tt	*Nội dung thẩm định*	*Mức phí (1.000 đồng/lần)*
I	***Đối với các hoạt động thẩm định do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện***	
1	*Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính*	
1.1	*a) Thẩm định lần đầu* *- Phạm vi liên tỉnh* *- Phạm vi quốc tế* *+ Quốc tế chiều đến* *+ Quốc tế chiều đi* *+ Quốc tế hai chiều*	 *21.500* *29.500* *34.500* *39.500*
	b) Thẩm định lại khi hết hạn	*Bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu quy định tại tiết a điểm này*
1.2	*Thẩm định đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp*	
	- Phạm vi liên tỉnh *- Phạm vi quốc tế* *+ Quốc tế chiều đến* *+ Quốc tế chiều đi* *+ Quốc tế hai chiều*	*8.500* *10.500* *11.500* *12.500*
1.3	*Thẩm định sửa đổi, bổ sung*	
a	*Thẩm định mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ*	

[9] Biểu mẫu này được bổ sung tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

	- Phạm vi liên tỉnh *- Phạm vi quốc tế* *+ Quốc tế chiều đến* *+ Quốc tế chiều đi* *+ Quốc tế hai chiều*	*5.500* *6.500* *7.500* *8.500*
b	*Thẩm định thay đổi các nội dung khác trong giấy phép*	*1.500*
1.4	*Thẩm định cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được*	*1.000*
2	*Thẩm định điều kiện cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính*	
2.1	*Thẩm định cấp lần đầu*	
a	*Trường hợp tự cung ứng dịch vụ*	
	- Phạm vi liên tỉnh *- Phạm vi quốc tế* *+ Quốc tế chiều đến* *+ Quốc tế chiều đi* *+ Quốc tế hai chiều*	*2.500* *2.500* *2.500* *2.500*
b	*Trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài*	
	- Phạm vi liên tỉnh *- Phạm vi quốc tế* *+ Quốc tế chiều đến* *+ Quốc tế chiều đi* *+ Quốc tế hai chiều*	*3.500* *3.500* *3.500* *3.500*
c	*Trường hợp làm văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài*	*2.000*
2.2	*Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp*	*2.500*
2.3	*Thẩm định cấp lại khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được*	*1.000*
II	***Đối với các hoạt động thẩm định do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện***	

1	*Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính (thẩm định cấp lần đầu, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp thay đổi nội dung giấy phép) và cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (thẩm định cấp lần đầu, cấp lại, cấp thay đổi nội dung thông báo) nội tỉnh*	*Bằng 50% mức thu phí thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính liên tỉnh quy định tại Mục I Biểu này.*
2	*Thẩm định cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam* *- Cấp lần đầu* *- Cấp lại khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được*	 *1.000* *500*